

## PHỤ LỤC

### NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CTCP DU LỊCH VIỆT NAM TP HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Tờ trình số 11/2021/TTr-HDQT ngày 19/04/2021 của HDQT CTCP Du lịch Việt Nam TP Hồ Chí Minh)

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1.	<b>Giải thích từ ngữ trong Điều lệ</b>  a. “ <i>Luật doanh nghiệp</i> ” là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014.(*)  b. “ <i>Pháp luật</i> ” là các luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế, thông tư, quyết định và tất cả các văn bản pháp luật khác được cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm.  c. “ <i>Cổ đông</i> ” là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.	<b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b>  Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công Ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;  b) <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;  c) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;  d) <i>Việt Nam</i> là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;  e) <i>Ngày thành lập</i> là ngày Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;  f) <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công Ty;	  - Cập nhật Luật Doanh nghiệp có hiệu lực;  - Bổ sung định nghĩa các thuật ngữ được sử dụng trong Điều lệ phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>g) <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý Công Ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công Ty;</p> <p>h) <i>Người có liên quan</i> là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp</p> <p>i) <i>Cổ đông</i> là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty cổ phần;</p> <p>k) <i>Cổ đông sáng lập</i> là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công Ty cổ phần;</p> <p>l) <i>Thời hạn hoạt động</i> là thời gian hoạt động của Công Ty được quy định tại khoản 5 Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công Ty thông qua;</p>	
2.	<b>Điều 2. Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</b>	<p><b>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công Ty</b> [Liệt kê các ngành nghề kinh doanh của Công Ty]</p> <p><b>Điều 5. Phạm vi kinh doanh của Công Ty</b></p>	Cập nhật lại tên, mã số ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018
3.	<b>Điều 5. Người đại diện theo pháp luật</b> Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty tùy theo từng thời kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị.	<p><b>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty</b> Công Ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	Điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp quy định tại Điều 12, Điều 24 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p><u>Người đại diện theo pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công Ty, đại diện cho Công Ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</u></p>	
4.	<p><b>Điều 7: Quyền của Công ty</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.</li> <li>2. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.</li> <li>3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.</li> <li>4. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.</li> <li>5. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.</li> <li>6. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.</li> <li>7. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.</li> <li>8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.</li> </ol>	Hủy bỏ	Đề xuất hủy bỏ vì Công ty được thực hiện đầy đủ các quyền theo quy định của pháp luật, không bắt buộc phải liệt kê tại Điều lệ.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>9. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.</p> <p>10. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.</p> <p>11. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo quyền tham gia tổ tụng theo quy định của pháp luật.</p> <p>12. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</p>		
5.	<p><b>Điều 8: Nghĩa vụ của Công ty</b></p> <p>1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện.</p> <p>2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.</p> <p>3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.</p> <p>5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.</p> <p>6. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kê báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định;</p>	Hủy bỏ	Đề xuất hủy bỏ vì nghĩa vụ của công ty phải theo quy định của pháp luật, không bắt buộc phải liệt kê tại Điều lệ

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.</p> <p>7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh.</p> <p>8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>		
6.	<p><b>Điều 9: Vốn điều lệ</b></p> <p>1. <u>Vốn điều lệ là số vốn do tất cả cổ đông đóng góp và được góp bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật nhưng được quy đổi bằng đồng Việt Nam tại ngày góp vốn và được hạch toán, theo dõi theo một đơn vị tiền tệ duy nhất là đồng Việt Nam.</u></p> <p>2. Vốn điều lệ của Công ty là: 1.200.000.000.000 đồng. (*)</p> <p>3. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 120.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. (*)</p> <p>4. <u>Vốn điều lệ của Công ty được bổ sung theo từng thời kỳ để đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Công ty và đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Việc tăng vốn điều lệ do ĐHĐCĐ quyết định, được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.</u></p> <p>5. Vốn điều lệ được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty.</p>	<p><b>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần</b></p> <p>1. Vốn điều lệ của Công Ty là 1.200.000.000.000 đồng (Bằng chữ : Một nghìn hai trăm tỷ đồng)</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công Ty được chia thành 120.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p> <p>2. <u>Công Ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</u></p> <p>3. Các cổ phần của Công Ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 13, Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>4. <u>Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</u></p>	<p>- Định nghĩa “Vốn điều lệ” được nêu tại điểm a Điều 1 của Dự thảo Điều lệ: “<i>Vốn Điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công Ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này</i>”</p> <p>- Bổ sung và quy định chi tiết theo Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>6. Không được sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác mà không trái pháp luật).</p>	<p><u>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</u></p> <p><u>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</u></p> <p><u>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.</u></p>	
7.	<p><b>Điều 10: Các loại vốn khác</b></p> <p>1. Vốn vay:</p> <p>Công ty huy động vốn bên ngoài bằng phương thức phát hành trái phiếu, vay vốn của ngân hàng của các tổ chức tài chính trong và ngoài nước và các phương thức khác theo quy định của pháp luật. Công ty được quyền sử dụng vốn này và có trách nhiệm hoàn trả đúng hạn cả vốn lẫn lãi. Công ty phải chấp hành và tôn trọng các giới hạn khống chế về mức huy động, dự trữ</p>	Hủy bỏ	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>tối thiểu bắt buộc và biện pháp bảo đảm an toàn về vốn.</p> <p>2. Vốn tích lũy:</p> <p>Vốn tích lũy của Công ty được hình thành từ kết quả kinh doanh, dùng để mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty, góp vốn liên doanh với các cá nhân, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.</p> <p>3. Các loại vốn khác:</p> <p>Công ty được tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước và các loại vốn khác theo đúng pháp luật hiện hành để bổ sung cho vốn hoạt động.</p>		

8.	Không có	<p><b><u>Điều 10. Thu hồi cổ phần</u></b></p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công Ty.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 10%/một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi</p>	<p>Bổ sung để có cơ sở áp dụng trong trường hợp Công Ty phát hành thêm cổ phần. (Tham khảo Điều 10 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC)</p>
----	----------	---	--



STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.	
9.	<p><b><u>Điều 11: Cổ phần – Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần</u></b></p> <p>1. <u>Giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần do Công ty phát hành được gọi là Sổ chứng nhận cổ đông và phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT, được đóng dấu của Công ty. Sổ chứng nhận cổ đông phải nêu rõ số lượng và loại cổ phần, họ tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>2. <u>Nếu Sổ chứng nhận cổ đông bị hỏng, bị tẩy xóa, bị mất hoặc bị hủy hoại thì Công ty sẽ cấp Sổ chứng nhận cổ đông mới ghi nhận số cổ phần tương ứng theo yêu cầu của cổ đông với điều kiện là phải gửi cho Công ty Sổ chứng nhận cổ đông cũ hoặc phải tuân thủ các điều kiện chứng minh Sổ chứng nhận cổ đông cũ bị mất hoặc bị hủy hoại. Người được cấp lại Sổ chứng nhận cổ đông phải chịu các chi phí liên quan.</u></p>	<p><b><u>Điều 7. Cổ phiếu</u></b></p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p>	Điều chỉnh, bổ sung theo Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	
10.	<b>Không có</b>	<b>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</b> Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.	Bổ sung
11.	<b>Điều 12: Chuyển nhượng cổ phần</b> 1. Cổ phần phổ thông của các cổ đông được tự do chuyển nhượng.	<b>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</b> 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, <u>cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u>	Bổ sung và sửa đổi cho phù hợp với thực tế hoạt động của công ty
12.	2. Trừ khi HĐQT có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp), việc chuyển nhượng cổ phần có thể được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc các hình thức khác mà HĐQT chấp nhận. 3. Trong thời gian thực hiện thủ tục chuyển nhượng cổ phần, nếu diễn ra ĐHĐCĐ, thì bên nhận chuyển nhượng có quyền tham gia thay cho bên chuyển nhượng đối với các cổ phần được chuyển nhượng như quy định trong Luật doanh nghiệp. <b>Điều 13: Thừa kế cổ phần</b> 1. Trường hợp cổ đông bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết theo quy định của Pháp luật, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ số cổ phần của cổ đông đó: a. Người thừa kế duy nhất theo quy định của pháp luật;	2. <u>Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</u> 3. <u>Thừa kế cổ phần:</u> a) <u>Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty.</u> b) <u>Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ</u>	Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>b. Nếu có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì những người này phải cử một người đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết bất cứ trường hợp tranh chấp nào giữa những người thừa kế.</p> <p>2. Người thừa kế hợp pháp của cổ đông sẽ đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế với Công ty và trở thành cổ đông của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.</p> <p>3. Khi cổ đông là tổ chức bị giải thể, sáp nhập, chia, tách hoặc phá sản thì quyền thừa kế liên quan đến cổ đông pháp nhân đó được giải quyết theo các quy định của pháp luật.</p>	<p><u>đồng đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</u></p>	
13.	<p><b>Điều 19: Qui định chung về cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.</p> <p>2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>3. Người đại diện hợp pháp của cổ đông tại Công ty:</p> <p>a. Người đại diện hợp pháp của cổ đông tổ chức tại Công ty là người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó theo quy định hiện hành của pháp luật và/hoặc là (những) người đại diện theo ủy quyền quản lý cổ phần tại Công ty theo quyết định của</p>	<p>Hủy bỏ</p>	<p>Quy định về người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện theo Điều 14 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>cổ đông là tổ chức. Số lượng đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là tám (08) người.</p> <p>b. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức nêu tại điểm a khoản này có thể cử người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự làm đại diện tại Công ty.</p> <p>c. Cổ đông là cá nhân có thể cử người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự làm đại diện cho mình tại Công ty.</p> <p>d. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.</p> <p>e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi lên HĐQT của Công ty.</p> <p>f. Việc cử người làm đại diện tại Công ty phải được thực hiện bằng văn bản.</p> <p>g. Người được cử làm đại diện tại các điểm b, c và d của khoản này không được quyền cử người khác làm đại diện thay.</p>		
14.	<p><b>Điều 14. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty</b></p> <p><b>Điều 15. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông</b></p> <p><b>Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại</b></p>	<p>Gộp thành <b>[Điều 11. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công Ty và mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông]</b></p>	
15.	<p><b>Điều 20: Quyền của cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 13. Quyền của cổ đông</b></p>	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>10%</u> số cổ phần của Công ty trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền: ....</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần của Công ty <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng</u> được đề cử người vào HĐQT của Công ty. Số người được đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ 10% đến 20% được cử 1 người, từ trên 20% đến 40% được cử 2 người, từ trên 40% đến 60% được cử 3 người; từ trên 60% đến 75% được cử 4 người, từ trên 75% được cử 5 người.</p> <p>a. <del>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần của Công ty được ứng cử người vào HĐQT của Công ty. Số người được ứng cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ 10% đến 20% được cử 1 người, từ trên 20% đến 40% được cử 2 người, từ trên 40% đến 60% được cử 3 người; từ trên 60% đến 75% được cử 4 người, từ trên 75% được cử 5 người.</del></p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần của Công ty <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng</u> được đề cử người vào BKS của Công ty. Số người được đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ 10% đến 20% được cử 1 người, từ trên 20% đến 40% được cử 2 người, từ trên 40% được cử 3 người.</p> <p>c. <del>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần của Công ty được ứng cử người vào BKS</del></p>	<p>1. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Công Ty trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> có các quyền sau: ....</p> <p>2. Các cổ đông phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết <del>trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng</del> để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên 20% đến dưới 40% được đề cử hai (02) ứng viên; từ trên 40% đến 60% được đề cử ba (03) ứng viên; từ trên 60% đến 75% được đề cử bốn (04) ứng viên; từ trên 75% được đề cử năm (05) ứng viên.</p> <p>c) Các cổ đông phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên 20% đến 40% được đề cử hai (02) ứng viên; từ trên 40% được đề cử ba (03) ứng viên;</p>	<p>Khoản 2, Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	của Công ty. Số người được ứng cử theo tỷ lệ năm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ 10% đến 20% được cử 1 người, từ trên 20% đến 40% được cử 2 người, từ trên 40% được cử 3 người.		
16.	<p><b>Điều 24: Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p> <p>Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u></p>	<p><b>Điều 15. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u></p>	Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020
17.	<p><b>Điều 23: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>50%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p>	<p><b>Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ <u>35%</u> tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công Ty;</p> <p>r) <u>Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh</u></p>	Sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<u>nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất;</u>	
18.	<p><b>Điều 26: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp</b></p> <p>1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>07 (bảy) ngày làm việc</u> trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ đã đăng ký của cổ đông.</p> <p>2. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>ít nhất 65%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p><b>Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất 21 ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).</p> <hr/> <p><b>Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ <u>33% tổng số phiếu</u> biểu quyết trở lên.</p>	Điều 143, Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
19.	<p><b>Điều 28: Chi phí tổ chức Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành ĐHĐCĐ sẽ do Công ty chi trả; các chi phí mang tính cá nhân như chi phí đi lại, ăn ở do cổ đông tự trang trải.</p>	Hủy bỏ	Đề xuất hủy bỏ vì đã quy định tại Điều 15 Dự thảo Điều lệ
20.	<p><b>Điều 29: Ủy quyền đại diện tham dự ĐHĐCĐ</b></p> <p>1. <u>Việc ủy quyền đại diện tham dự ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà HĐQT chấp thuận, người được ủy quyền phải trình văn bản này cho Ban tổ chức đại hội trước khi khai mạc.</u></p>	<p><b>Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. <u>Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự, theo mẫu quy định của Công Ty và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Trường hợp bên ủy quyền và/hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật.</u></p>	Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020
21.	Không có	<p><b>Điều 18. Thay đổi các quyền</b></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại</p>	Đề xuất bổ sung để có cơ sở áp dụng trong trường hợp Công Ty phát hành cổ phần ưu đãi



STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	
22.	<b>Không có</b>	<b>Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b>	Bổ sung theo Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020
23.	<p><b>Điều 30: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau</p> <p>a. Được số cổ đông đại diện <u>ít nhất 51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành;</p> <p>b. Đối với quyết định về <u>loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.</u></p> <p>c. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc phương thức khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của</p>	<p><b>Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ <u>65%</u> tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể Công Ty;</p> <p>3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ</p>	Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>HDQT và BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p><b>Điều 31: Thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</b></p> <p>1. Việc thông qua quyết định của ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản không bị giới hạn bởi bất kỳ trường hợp nào. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số cổ đông đại diện cho <u>ít nhất 75%</u> tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và được thực hiện theo các thủ tục quy định tại khoản 2 của điều này.</p>	<p>đồng dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 4, 5 Điều này.</p> <p>4. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc một phương thức khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p><u>5. Nghị quyết của ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi cùng loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</u></p> <p><u>6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung quy định tại khoản 2, 4, 5 Điều này thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số phiếu biểu quyết tán thành tương ứng tại các khoản 2, 4, 5 Điều này.</u> Đối với các nội dung khác, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p>	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
24.	<p><b>Điều 31: Thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</b></p> <p>1. Việc thông qua quyết định của ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản không bị giới hạn bởi bất kỳ trường hợp nào. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số cổ đông đại diện cho <u>ít nhất 75%</u> tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và được thực hiện theo các thủ tục quy định tại khoản 2 của điều này.</p>	<p><b>Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất kỳ lúc nào và bất kỳ nội dung nào thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.</p> <p>[Tỷ lệ biểu quyết thông qua được quy định tại khoản 6 Điều 22 của Dự thảo Điều lệ]</p>	
25.	<p><b>Điều 36: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị <u>nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</u></p> <p>2. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị <u>bằng hoặc lớn hơn 50%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 48 Điều lệ;</p>	<p><b>Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư <u>trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</u></p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị <u>từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p>	Sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
26.	<b>Không có</b>	<p><b>Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro tại từng thời điểm. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công Ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.</p>	Bổ sung cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty
27.	<p><b>Điều 39: Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc các tổ chức muốn thay đổi người đại diện của mình đang làm thành viên HĐQT của Công ty thì phải có yêu cầu bằng văn bản gửi đến HĐQT. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, HĐQT sẽ họp để xem xét và trình ĐHĐCĐ quyết định.</p> <p>2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo</p>	Hủy bỏ	Đề xuất hủy bỏ vì đã quy định tại khoản 3 Điều 27, khoản 3 Điều 30 Dự thảo Điều lệ

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>nguyên tắc quá bán cho đến kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất để bầu bổ sung.</p> <p>3. Trường hợp số thành viên HĐQT giảm quá 1/3 so với tổng số quy định thì HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 để bầu bổ sung.</p> <p>4. Các trường hợp khuyết thành viên HĐQT khác do ĐHĐCĐ gần nhất quyết định.</p>		
28.	<p><b>Điều 40: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo khoản 3 Điều 33;</li> <li>2. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</li> <li>3. Có đơn xin từ chức;</li> <li>4. Bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ;</li> <li>5. Cỗ đồng pháp nhân mất tư cách pháp nhân;</li> <li>6. Cỗ đồng là tổ chức không cử làm đại diện nữa.</li> <li>7. Công ty bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.</li> </ol>	Gộp với Điều 33, 34 điều lệ cũ thành Điều 27 Dự thảo Điều lệ mới	Sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
29.	Không có	<p><b>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</b></p> <p>Công Ty xây dựng bộ máy quản lý để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày. Bộ máy quản lý của Công Ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công Ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	Bổ sung cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty
30.	Không có	<p><b>Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p>	Bổ sung cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.	
31.	Không có	<p><b>Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	Bổ sung cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty
32.	<p><b>Điều 41: Bổ nhiệm Tổng Giám đốc</b></p> <p>1. Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. <u>Là cổ đông sở hữu ít nhất 10% vốn điều lệ của Công ty hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc</u></p>	<p><b>Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</b></p> <p>1. Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;</p> <p><del>b. Là cổ đông sở hữu ít nhất 10% vốn điều lệ của Công ty hoặc người</del> <u>Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh của Công ty.</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chuẩn bắt buộc đối với Tổng Giám đốc (phải là cổ đông hoặc không được đồng thời là TGD/GĐ doanh nghiệp khác) được bãi bỏ từ Luật Doanh nghiệp 2014.</li> <li>- Điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty</li> </ul>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.</p> <p>2. <u>Tổng Giám đốc Công ty không được đồng thời làm Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp khác.</u></p>	<p><del>2. Tổng Giám đốc Công ty không được đồng thời làm Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp khác.</del></p>	
33.	<p><b>Điều 43: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc</b></p> <p>2. Trong trường hợp Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT công bố bằng văn bản về việc này và đề cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày công bố, HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.</p>	Huỷ bỏ	Điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty
34.	<p><b>Điều 48: Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</b></p> <p>1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:</p> <p>a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu <u>trên 35%</u> tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>b. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc;</p> <p>c. Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc có <u>sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần hoặc doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng</u></p>	<p><b>Điều 44. Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan sau đây:</p> <p>a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu <u>trên 10%</u> tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và người có liên quan của họ;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc <u>và người có liên quan của họ;</u></p> <p>c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc <u>và người quản lý khác của Công Ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.</u></p>	Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020



STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p><u>Giám đốc cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.</u></p> <p>2. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị <u>nhỏ hơn 50%</u> tổng giá trị tài sản Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>3. ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; <u>hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.</u></p>	<p>2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có <u>giá trị nhỏ hơn 35%</u> tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:</p> <p>a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b. <u>Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</u></p>	
35.	Không có	<p><b>Điều 46. Công nhân viên và công đoàn</b></p> <p>1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, chấm dứt hợp đồng lao động, chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và những người điều hành doanh nghiệp.</p> <p>2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những</p>	Bổ sung cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	
36.	Không có	<p><b>Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý</b></p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	Sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty
37.	<p><b><u>Điều 56: Con dấu</u></b></p> <p>1. <u>Công ty có con dấu riêng. Con dấu của Công ty phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty. Hình thức và nội dung của con dấu, điều kiện làm con dấu và chế độ sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của pháp luật.</u></p>	<p><b><u>Điều 55. Dấu của doanh nghiệp</u></b></p> <p>1. <u>Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</u></p>	Điều 43 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<u>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</u>	
38.	<p><b>Điều 59. Hình thức chi trả</b></p> <p>2. HĐQT thông qua Nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc thụ hưởng các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</p>	<p><b>Điều 54. Hình thức chi trả cổ tức</b></p> <p>2. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức.</p>	Điều 135 Luật Doanh Nghiệp 2020
39.	<p><b>Điều 61: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</b></p> <p>Việc bổ sung và sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định theo đúng các quy định tại Điều lệ này.</p>	<p><b>Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công Ty</b></p> <p>1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</p> <p><u>2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định mới của pháp luật mâu thuẫn với điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.</u></p>	Sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
40.	<p><b>Điều 66: Hiệu lực và đăng ký Điều lệ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Điều lệ này có hiệu lực kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.</li> <li><u>Sau khi ĐHĐCĐ thông qua, Điều lệ này được lập thành mười (10) bản; được đăng ký, nộp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.</u></li> <li>Công ty sẽ nộp bản chính, bản sao hoặc trích lục Điều lệ của Công ty cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác nếu các cơ quan này có yêu cầu đúng thẩm quyền.</li> <li>Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc 2/3 số thành viên HĐQT.</li> </ol>	<p><b>Điều 60. Ngày hiệu lực</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Bản điều lệ này gồm 12 Chương, 62 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công Ty cổ phần Du Lịch Việt Nam Thành Phố Hồ Chí Minh thông qua ngày ... tháng .... năm 2021 tại TP Hồ Chí Minh.</li> </ol> <p><del>Sau khi ĐHĐCĐ thông qua, Điều lệ này được lập thành mười (10) bản; được đăng ký, nộp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.</del></p> <p><del>Công ty sẽ nộp bản chính, bản sao hoặc trích lục Điều lệ của Công ty cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác nếu các cơ quan này có yêu cầu đúng thẩm quyền.</del></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Điều lệ này được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</li> <li>Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</li> <li>Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu <u>1/2 tổng số</u> thành viên Hội đồng quản trị.</li> </ol>	Sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty
41.		<ul style="list-style-type: none"> <li>Cập nhật và bổ sung các nội dung tương ứng của Điều lệ được điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp 2020;</li> <li>Bố trí, sắp xếp lại các điều khoản cho phù hợp;</li> <li>Cập nhật lại số thứ tự các điều khoản của Luật Doanh nghiệp được đề cập đến trong Điều lệ.</li> </ul>	